

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2017/DS-ST
Ngày: 25/7/2017
V/v tranh chấp về giao dịch dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hơ
2. Ông Lê Văn Lý

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2016/TLST-DS ngày 29/12/2016 về việc “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2017/QĐXXST-DS ngày 12/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2017/QĐST-DS ngày 04/7/2017.

Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm: 1984

Địa chỉ: số nhà 1287/33/50 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1965

Địa chỉ: số nhà 25 đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tấn D1, sinh năm: 1972

Địa chỉ: số nhà 770 đường K, Khu phố L, phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Phạm Ngọc T1, sinh năm: 1970

Địa chỉ: số nhà 68 đường A, Khu phố B, phường C, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2015 của nguyên đơn bà Võ Thị D và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Đình T:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 29/4/2014 bà D đã đồng ý cho ông D1, bà T1 vay số tiền 600.000.000 đồng để kinh doanh khách sạn, thoả thuận thời hạn vay 6 tháng, mức lãi suất 1%/tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền ghi rõ số tiền cho vay, thời hạn vay và cam kết trả tiền lãi, trả tiền gốc. Sau khi vay, ông D1, bà T1 không thanh toán tiền cho bà D theo thoả thuận nên bà D đã nhiều lần yêu cầu ông D1, bà T1 thực hiện việc trả tiền, ngày 27/7/2015 ông D1, bà T1 có cam kết sẽ trả tiền vào ngày 01/8/2015, vì vậy hai bên đã viết giấy cam kết gia hạn thời hạn vay. Tuy nhiên đến ngày 01/8/2015 ông D1, bà T1 không thực hiện nên bà D khởi kiện yêu cầu ông D1, bà T1 thanh toán số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/4/2014 theo mức lãi suất 1,125%/tháng, tiền lãi quá hạn từ ngày 02 tháng 8 năm 2015 cho đến ngày Tòa án xét xử theo mức lãi suất đã thoả thuận là 1%/tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Tấn D1 và bà Phạm Ngọc T1 đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông D1, bà T1 vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình T thay đổi yêu cầu về mức tính lãi suất, yêu cầu tính lãi suất trong hạn 1%/tháng và lãi suất quá hạn 0,75%/tháng. Đề nghị giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn D1, bà Phạm Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử ; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Đối với ông Trương Nhuận N, là người trực tiếp giao số tiền 600.000.000 đồng cho ông

D1, bà T1 nhưng ông N đã có lời khai xác nhận toàn bộ số tiền này thuộc sở hữu của bà Võ Thị D, ông chỉ thay mặt bà D chuyển số tiền bà D cho vay và sau đó có gặp ông D1 bà T1 để yêu cầu trả nợ. Do nguồn tiền vay không phải của ông nên ông không liên quan trong vụ án. Căn cứ lời khai của ông N xác định nguồn tiền cho ông D1, bà T1 vay không phải là tài sản của ông nên không cần thiết phải triệu tập ông Trương Nhuận N tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn cùng hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2014, giấy cam kết ngày 27/7/2015 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 29/4/2014 bị đơn có vay của bà Võ Thị D số tiền 600.000.000 đồng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì thời hạn nguyên đơn cho bị đơn vay là sáu tháng, tiền lãi suất được trả vào ngày thanh toán tiền nợ gốc.

Do bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 29/4/2014 có nội dung bà D cho ông D1 bà T1 vay 600.000.000 đồng trong thời hạn sáu tháng, và giấy cam kết ngày 27/7/2015 xác nhận số tiền nợ và cam kết thời gian trả, để xác định bị đơn đã nhận đủ tiền vay và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 30/9/2015, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng.

Về tiền lãi suất: xét, mặc dù hợp đồng vay tiền không thể hiện mức lãi suất cho vay nhưng bị đơn có cam kết trả lãi và trả vốn nên có căn cứ xác định giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có lãi. Các bên giao dịch vào ngày 29/4/2014 nên Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất để giải quyết. Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*. Quyết định số 2868/QĐ-NHNN quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng). Như vậy lãi suất trong hạn hai bên được phép thỏa thuận là 1.125%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,75%/tháng. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất trong hạn 1%/tháng, là tự nguyện, thấp hơn quy định nên có lợi cho bị đơn và mức lãi suất quá hạn 0,75%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giấy cam kết bị đơn cam kết sẽ thanh toán làm hai lần, cụ thể: *“cam kết đầu tháng tám trả 400.000.000 đồng và 200.000.000 đồng còn lại sẽ thanh toán đủ vào tháng chín”*, không ghi cụ thể ngày và năm nên được xác định như sau: đầu tháng tám là ngày 01/8 (ngày đầu tiên của tháng), tháng chín là ngày 30/9 (ngày cuối cùng của tháng) và căn cứ vào ngày viết giấy là ngày 27/7/2015 để xác định năm cam kết trả nợ là năm 2015. Tiền lãi suất được tính cụ thể như sau:

Lãi suất trong hạn của số tiền 400.000.000 đồng (tính từ ngày 30/4/2014 đến ngày 01/8/2015): $400.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 15 \text{ tháng} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất trong hạn của số tiền 200.000.000 đồng (tính từ 30/4/2014 đến 30/9/2015): 200.000.000 đồng x 1%/tháng x 17 tháng = 34.000.000 đồng.

Lãi suất quá hạn của số tiền 400.000.000 đồng (từ ngày 02/8/2015 đến ngày 25/7/2017): 400.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 23 tháng 23 ngày = 71.300.000 đồng;

Lãi suất quá hạn của số tiền 200.000.000 đồng (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 25/7/2017): 200.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 21 tháng 24 ngày = 32.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn là 198.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn cho rằng do bị đơn thoả thuận khi nào trả tiền gốc sẽ trả lãi nên từ khi vay cho đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền lãi suất cho nguyên đơn, vì vậy ngoài yêu cầu đòi với số tiền nợ gốc, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc cho đến ngày Toà án xét xử là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với hợp đồng thuê nhà và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Trung tâm tiệc cưới L P, khi vay tiền bị đơn đã giao cho nguyên đơn giữ để làm tin, phía nguyên đơn xác nhận đã giao trả cho bà T1, bà T1 không đến Toà và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 151; khoản 3 Điều 153; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D về việc “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Tấn D1, bà Phạm Thị T1;

Ông Nguyễn Tấn D1, bà Phạm Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị D số tiền 798.000.000 (bảy trăm chín mươi tám triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất 198.000.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 10%/ năm trên số tiền nợ gốc chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/QĐ-BPKCTT ngày 18/01/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Hoàn trả bà Võ Thị D số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng đã nộp để thực hiện biện pháp bảo đảm theo giấy xác nhận mở tài khoản mới ngày 15 tháng 01 năm 2016 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh T Đ Thành phố Hồ Chí Minh khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tấn D1, bà Phạm Thị T1 phải chịu 35.920.000 (ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị D được nhận lại 16.430.000 (mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn) đồng án phí theo biên lai thu số 0006810 ngày 23/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy